

CÔNG TY TNHH SAPIENT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SAPIENT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAPIENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SAPIENT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108951931

3. Ngày thành lập: 22/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 5, ngõ 268, đường Ngọc Hồi, Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904462326

Fax:

Email: Group.Sapient@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212(Chính)
2.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
3.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
4.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
5.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
6.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
7.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động tư vấn chứng khoán, hoạt động của các nhà báo độc lập)	7490
8.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
9.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
10.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
11.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
12.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
13.	Lập trình máy vi tính	6201
14.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
15.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
16.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

17.	Quảng cáo	7310
18.	Hoạt động hậu kỳ	5912
19.	Hoạt động chiếu phim	5914
20.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
21.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản sách nhạc và bản nhạc)	5920
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
23.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
24.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet; - Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet)	6190
25.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của các sàn nhảy, phòng hát karaoke)	9329
26.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
27.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
28.	In ấn	1811
29.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
30.	Sao chép bản ghi các loại (trừ các loại nhà nước cấm)	1820
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
33.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
34.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
35.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
36.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
37.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
38.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
40.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
41.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
42.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ dịch vụ bảo vệ)	8110
43.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
44.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
45.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
46.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ các hoạt động nhà nước cấm)	9000
47.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
48.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
49.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
50.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
51.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương Mại 2005)	8299
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
54.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
55.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

56.	Đại lý du lịch	7911
57.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Điểm a,b Khoản 1 Điều 31 Luật Du lịch 2017) - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Điểm a,b Khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch 2017)	7912
58.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Điều 7, Điều 8, Điều 25, Điều 44 Nghị định 96/2016/NĐ-CP)	5510
59.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
60.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
61.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 62, Điều 74, Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810
62.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
63.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
65.	Bán buôn thực phẩm (trừ loại nhà nước cấm)	4632
66.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng)	4662
67.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
68.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
69.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
70.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022

71.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
72.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Điều 5, Điều 10 Nghị định 110/2014/NĐ-CP)	5022
73.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
74.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
75.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Điều 9 Nghị định 86/2014/NĐ-CP)	4933
77.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
78.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
79.	Dịch vụ đóng gói	8292
80.	Xây dựng nhà để ở	4101
81.	Xây dựng nhà không để ở	4102
82.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
83.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
84.	Xây dựng công trình điện	4221
85.	Xây dựng công trình thủy	4291
86.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
87.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
88.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
89.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
90.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

91.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Điều 13, Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP); - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; - Bán buôn dầu thô	4661
92.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
93.	Bốc xếp hàng hóa	5224
94.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
95.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
96.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
97.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
98.	Phá dỡ	4311
99.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
100.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
101.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
102.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

103.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
104.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
105.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
106.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
107.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
108.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
109.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
110.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
111.	Bán buôn đồ uống	4633
112.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
113.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
114.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
115.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
116.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
117.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
118.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ bán lẻ vàng, bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí	4773
119.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Trừ súng đạn, tem và tiền kim khí; Trừ hoạt động của đấu giá viên	4789

120.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
121.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
122.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
123.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRINH THỊ THU TRANG	P514-CT1B-Chung cư 789 Bộ Tổng tham mưu-Bộ Quốc Phòng, tổ dân phố Trung 3, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.000.000.000	20,000	036182000097	
2	BÙI VĂN PHƯƠNG	Số nhà A10, Lô 9, Đường Trần Nguyên Đán, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	16.000.000.000	80,000	013055608	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRỊNH THỊ THU TRANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036182000097

Ngày cấp: 02/01/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 514-CT1B Tòa nhà 789 Bộ Tổng tham mưu- Bộ Quốc Phòng, Tổ dân phố Trung 3, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 514-CT1B Tòa nhà 789 Bộ Tổng tham mưu- Bộ Quốc Phòng, Tổ dân phố Trung 3, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội